

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-PT

Ngày 29 -5 - 2018

V/v: “Kiện xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc kiện xin ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Như Y, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 14, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Bích N: Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Đình T - Luật sư Công ty Luật TNHH Hà Nam.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích N - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Anh Đỗ Như Y và chị Nguyễn Thị Bích N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, ngày 14 tháng 10 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5,6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng trong nhận thức và cách sống dẫn đến không biết chia sẻ, cảm thông, quan tâm, chăm sóc nhau, hay cãi chửi nhau. Anh chị đã cố gắng tự hàn gắn và được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 5 năm 2017, mâu thuẫn trầm trọng, chị N bỏ về nhà bố mẹ để sống tại xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh Y xin ly hôn, chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là cháu Đỗ Hồng P, sinh ngày 15/11/2016. Kể từ khi vợ, chồng ly thân, cháu P ở với chị N. Khi ly hôn, anh Y có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Nếu chị N cũng có nguyện vọng nuôi con, anh cũng nhất trí và tự nguyện cấp dưỡng cho cháu P là 1.200.000 đồng/tháng. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu P và yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi, con riêng; chị N hiện cũng không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Vợ chồng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 15/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Đỗ Như Y và chị Nguyễn Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hồng P, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Như Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.200.000 đồng, kể từ tháng 3 năm 2018 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, chị Nguyễn Thị Bích N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 15/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu anh Đỗ Như Y cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 5/2017 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản gửi Tòa án nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn về yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N đề nghị Hội đồng xem xét giấy xác nhận của anh Đỗ Như Y là không có cơ sở vì lương cơ bản của công nhân đã tăng nhưng lương của anh Y từ tháng 12/2017 đến tháng 4/2018 không tăng theo mức tăng lương cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung kháng cáo của chị N tăng mức trợ cấp nuôi con chung của anh Y, chị N lên 2.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Không chấp nhận kháng cáo của chị N, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Bích N trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của chị N về yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung lên 2.000.000đ/tháng: Vợ chồng anh Y, chị N, Tòa án đã xử cho ly hôn và giao cháu Đỗ Hồng P, sinh ngày 15/11/2016 cho chị N nuôi dưỡng không ai có kháng cáo, chị N kháng cáo không đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân gia đình, việc bố, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đến khi trưởng thành là quy

định của pháp luật, nên anh Y phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ mức sống, ăn học và mức thu nhập của hai bên vợ, chồng, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định anh Đỗ Như Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.200.000 đồng/tháng kể từ tháng 3 năm 2018 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, trưởng thành lao động tự lập được là phù hợp với thực tế. Tại phiên tòa phúc thẩm chị N giữ nguyên yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con lên 2.000.000đ/tháng nhưng không xuất trình căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N.

[3] Về án phí phúc thẩm: chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bích N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Đỗ Như Y và chị Nguyễn Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hồng P, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Như Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.200.000 đồng, kể từ tháng 3 năm 2018 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con mà không ai được cản trở.

3. Án phí sơ thẩm: Anh Đỗ Như Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001283 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Anh Y còn phải nộp 300.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2015/0001342 ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, chị N đã nộp xong.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn San

